

- Bảy chữ số, dải thời gian từ 0 đến 3999 ngày 23,9 giờ.
- 2 dải thời gian: 999999,9 <- -> 3999 ngày 23,9 giờ hoặc 999 giờ 59 phút 59 giây <- -> 9999 giờ 59,9 phút.



Thông tin đặt hàng

Đầu vào thời gian	Màn hiển thị	Dải thời gian			
		999999,9 giờ <- -> 3999 ngày 23,9 giờ (chuyển được)		999 giờ 59 phút 59 giây <- -> 9999 giờ 59,9 phút (chuyển được)	
		Thân màu ghi sáng	Thân màu đen	Thân màu ghi sáng	Thân màu đen
Đầu vào PNP/NPN điện áp DC	LCD 7 thanh có chiếu nền	H7ET-NV-H	H7ET-NV-BH	H7ET-NV1-H	H7ET-NV1-BH
	LCD 7 thanh	H7ET-NV	H7ET-NV-B	H7ET-NV1	H7ET-NV1-B
Đầu vào đa điện áp AC/DC	LCD 7 thanh	H7ET-NFV	H7ET-NFV-B	H7ET-NFV1	H7ET-NFV1-B
Đầu vào không điện áp	LCD 7 thanh	H7ET-N	H7ET-N-B	H7ET-N1	H7ET-N1-B

Chú ý: Hãy liên hệ văn phòng đại diện OMRON hoặc đại lý để biết thêm về các Model khác.

▪ Giải thích số model

H7ET-N x x – x x
1 2 3 4

1. Đầu vào đếm

Để trống: đầu vào không điện áp
V : Đầu vào PNP/NPN điện áp DC tổng quát
FV : Đầu vào đa điện áp AC/DC

2. Dải thời gian

Để trống: 999999,9 giờ / 3999 ngày 23,9 giờ
1 : 999 giờ 59 phút 59 giây / 9999 giờ 59,9 phút

3. Màu của vỏ

Để trống: Màu ghi sáng
B : Màu đen

4. Màn hiển thị

Để trống: LCD 7 thanh không có chiếu nền
H : LCD 7 thanh có chiếu nền

▪ Phụ kiện đi kèm (đặt hàng riêng)

Pin Lithium		Y92S-36
Đầu nối dây kéo dài (Một bộ có hai đầu nối)		Y92S-37
Bộ gá bề mặt	26 mm x 45 mm	Y92F-75
Adapter	24.8 mm x 48.8 mm	Y92F-77B

Đặc tính kỹ thuật

Mục	H7ET-NV- H7ET-NV-_H	H7ET-NFV- _	H7ET-N- _	H7ET-NV1- H7ET-NV1-_H	H7ET-NFV1- _	H7ET-N1- _
Chế độ hoạt động	Đếm cộng dồn					
Cách thức gá	Gá trên bề mặt					
Các kết nối bên ngoài	Các đầu nối bắt vít					
Đặt lại 0	Dùng tín hiệu ngoài hoặc bằng phím					
Màn hiển thị	LCD 7 thanh có hoặc không có nền chiếu (chiều cao ký tự : 8,6 mm) (xem chú ý 1)					
Số chữ số	7 chữ số					
Dải thời gian	0.0h to 999999.9h <- -> 0.0h to 3999d23.9h (có thể chuyển bằng công tắc)			0s đến 999h59m59s <- -> 0.0m đến 9999h59.9m (có thể chuyển bằng công tắc)		
Đầu vào	Đầu vào PNP/NPN điện áp DC	Đầu vào đa điện áp AC/DC	Đầu vào không điện áp	Đầu vào PNP/NPN điện áp DC	Đầu vào đa điện áp AC/DC	Đầu vào không điện áp
Màu của vỏ	Ghi sáng hoặc màu đen (các model có chữ -B)					
Đi kèm	Vỏ chống nước, thanh gá lắp mặt ngoài, nhãn đơn vị thời gian (xem chú ý 2)					

Chú ý: 1. Chỉ các model có đầu vào PNP/NPN DC (các model có chữ -H) là có chiếu nền.
2. Có đi kèm các nhãn "-hours", "-d-h", "-h-m" và "-h-m-s".

▪ Các thông số định mức

Mục	H7ET-NV- _	H7ET-NFV- _	H7ET-N- _
Điện áp nguồn	Model có chiếu nền: 24 VDC (tối đa 0.3 W) (chỉ dùng cho đèn chiếu nền) Model không có chiếu nền: Không yêu cầu (có pin cấp nguồn)	Không yêu cầu (có pin cấp nguồn)	
Đầu vào	Mức cao (logic): 4,5 đến 30 VDC Mức thấp (logic): 0 đến 2 VDC (Trở kháng của đầu vào: Xấp xỉ 4,7 kΩ)	Mức cao (logic) : 24 đến 240 VAC/ VDC, 50/60 Hz Mức thấp (logic) : 0 đến 2,4 VAC/VDC, 50/60 Hz	Đầu vào không điện áp Trở kháng đoạn mạch tối đa: tối đa 10 kΩ. Điện áp dư đoạn mạch: tối đa 0,5 V
Đầu vào đặt lại 0		Đầu vào không điện áp Trở kháng đoạn mạch tối đa: 10 kΩ Điện áp dư đoạn mạch: tối đa 0,5 V. Trở kháng mở tối thiểu: 750 kΩ	Trở kháng mở tối thiểu: 750 kΩ
Độ rộng xung tối thiểu	1 s		
Đặt lại 0	Dùng tín hiệu ngoài hoặc bằng phím: Độ rộng xung tối thiểu là 20 ms.		
Mômen xiết vít đầu nối	Tối đa 0.98 Nm		
Nhiệt độ xung quanh	Hoạt động: -10°C đến 55°C (không đóng băng) Cất giữ : -25°C đến 65°C (không đóng băng)		
Độ ẩm xung quanh	Hoạt động: 25% đến 85%		

Chú ý: Tỷ lệ ON/OFF là 1.